TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Châu Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà TTH, sinh năm 1995; "Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt".

Địa chỉ: Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông NTQ, sinh năm 1994; "Vắng mặt"

Địa chỉ: Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà TTH trình bày:

Tôi và ông Q chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, TP. HCM (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4 cấp ngày 21/01/2015).

Chúng tôi sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên NTH, sinh ngày 29/7/2014. Tôi đồng ý giao con chung là cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn ông NTQ vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập. Do đó, trong hồ sơ không có lời khai và ý kiến của ông Q. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng ông Q vẫn không có mặt tại Tòa án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà TTH. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông Q; Về con chung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Bà H và ông Q có 01 con chung tên NTH, sinh ngày 29/7/2014. Căn cứ biên bản xác minh, ý kiến của Bà H chấp nhận yêu cầu của Bà H giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con: Bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà TTH khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông NTQ đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Ông Q không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Bà TTH và ông NTQ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 08, Quận 4, TP. HCM (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4 cấp ngày 21/01/2015). Do đó, hôn nhân của Bà H và ông Q là hợp pháp.

Bà H và ông Q chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông Q không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa Bà H và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho Bà H ly hôn với ông Q.

Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định Bà H và ông Q có 01 con chung tên 01 con chung là NTH, sinh ngày 29/7/2014. Bà H đồng ý giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Q không có lời khai về con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào đề nghị của Bà H cũng như xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con có cơ sở xác định ông Q có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo cho con chung phát triển về mọi mặt và hiện con chung đang do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Bà H giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng và bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác định không có; ông Q không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà TTH phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà TTH được ly hôn với ông NTQ (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4 cấp ngày 21/01/2015).

- Về con chung: Xác định Bà H và ông Q có 01 con chung tên NTH, sinh ngày 29/7/2014; Giao con chung cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà TTH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thiện hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng và bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà TTH phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0036067 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

- Bà TTH phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình